

Số: 2295 /2006/QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày 08 tháng 8 năm 2006



QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn đến 2010, xét đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 73/2006/QĐ-TTg ngày 04/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam theo các vùng lãnh thổ đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020;

Theo đề nghị của Sở Công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại Tờ trình số 237/TTr.SCN ngày 21 tháng 06 năm 2006 về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2010, xét đến năm 2020; và ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 1157.../BC-SKHĐT ngày 28 tháng 7 năm 2006 về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2010, xét đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2010, xét đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm, mục tiêu phát triển chủ yếu của ngành công nghiệp đến năm 2010, 2015 và 2020:

a) Quan điểm phát triển:

- Phát triển ngành công nghiệp một cách có chọn lọc, có giá trị tăng cao, gắn với định hướng quy hoạch phát triển công nghiệp của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước, có cơ cấu công nghiệp phù hợp với vai trò của một trung tâm công nghiệp phát triển cao, có công nghệ hiện đại

- Định hướng chuyển dịch cơ cấu sang các nhóm ngành công nghiệp sử dụng công nghệ cao, công nghiệp chế tạo, công nghiệp phụ trợ, dịch vụ hỗ trợ đầu

khí, các ngành công nghiệp chế biến dầu khí, các ngành công nghiệp phục vụ kinh tế biển.

- Chú trọng phát triển công nghiệp địa phương, các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh và đầu tư nước ngoài. Tăng cường và đẩy mạnh việc đầu tư chiều sâu, ứng dụng khoa học công nghệ mới, đổi mới sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Phân bố công nghiệp hợp lý theo vùng lãnh thổ, gắn với hệ thống cảng, với các khu công nghiệp tập trung; phát triển công nghiệp nông thôn, công nghiệp phục vụ du lịch.

- Phát triển công nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái và gắn liền với an ninh quốc phòng.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2006-2010 tăng 12,47%/năm (trừ dầu khí tăng 20,7%/năm); giai đoạn 2011-2020 tăng 9,6%/năm.

- Cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp theo giá trị sản xuất công nghiệp chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng công nghiệp khai thác, nâng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp sản xuất và chế biến như: hóa chất, luyện kim, điện nước...

+ Công nghiệp khai thác đến năm 2010 chiếm 35,8%; 2015 chiếm 20%-23% và đến năm 2020 là 12%-17%;

+ Công nghiệp hóa chất đến năm 2010 đạt 15,8%; đến 2015 đạt 29,3% và đến năm 2020 đạt 35,2%;

+ Công nghiệp luyện kim năm 2010 đạt 8,7%; năm 2015 đạt 20,5% và đến năm 2020 đạt 23,7%;

+ Công nghiệp sản xuất điện và nước năm 2010 chiếm 28,7%; sau đó sẽ giảm xuống 21,2% vào năm 2015 và 17,09% vào năm 2020.

2. Định hướng phát triển công nghiệp trên cơ sở phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh:

a) Phát triển công nghiệp khai thác dầu, khí:

- Đẩy mạnh đầu tư tìm kiếm, thăm dò gia tăng tiềm năng và trữ lượng dầu khí, ưu tiên các khu vực đã phát hiện dầu khí nhưng chưa khẳng định giá trị thương mại, tiếp đến là các diện tích có triển vọng, sau cùng là các vùng chưa tìm kiếm trong các bể Cửu Long và Nam Côn Sơn.

- Thăm dò bổ sung và khai thác triệt để các mỏ đang khai thác, đẩy mạnh đầu tư phát triển và đưa vào khai thác một số mỏ mới nhằm đảm bảo mức sản lượng dầu thô và khí như sau:

+ Giai đoạn 2006-2010: 18-20 triệu tấn dầu, 6-10 tỷ m³ khí;

+ Giai đoạn 2011-2015: 17-19 triệu tấn dầu, 10-15 tỷ m³ khí;

+ Giai đoạn 2015-2020: 16-17 triệu tấn dầu, 15-15,5 tỷ m³ khí.

- Đẩy nhanh và khai thác tối đa công suất các công trình thu gom, vận chuyển và phân phối khí hiện có.

- Phát triển mạnh chế biến dầu, khí theo hướng chế biến sâu.

- Tiếp tục thúc đẩy phát triển các dịch vụ dầu khí đảm bảo đáp ứng nhu cầu trong nước và có khả năng cung cấp dịch vụ cho thị trường ngoài nước.

b) Phát triển công nghiệp hóa chất:

- Trong giai đoạn 2005-2010, thu hút đầu tư các dự án lớn như sản xuất đạm, sản xuất khí công nghiệp, sản xuất fomaldehyt, nhựa đường, etylen và PE,...

- Chuẩn bị các điều kiện để đề nghị Chính phủ đầu tư nhà máy lọc dầu Long Sơn trong giai đoạn 2011-2015, .

- Trong giai đoạn 2016-2020, tiếp tục xây dựng trung tâm hóa dầu để sản xuất nguyên liệu làm chất dẻo, sợi tổng hợp polyester, nguyên liệu sản xuất chất tẩy rửa,...

c) Phát triển công nghiệp luyện kim:

** Giai đoạn 2006-2010:*

- Hoàn thành và đưa vào sản xuất các nhà máy thép cuộn, thép lá cán nguội và nhà máy luyện, cán thép xây dựng.

- Xây dựng nhà máy luyện thép lò điện công nghệ Consteel với công suất 350.000 tấn thép xây dựng/năm; nhà máy thép không rỉ công suất 720 tấn/năm; nhà máy cán nhôm hình (thanh) xuất khẩu công suất 50.000 tấn nhôm thanh/năm.

- Chuẩn bị những điều kiện cần thiết để xây dựng tổ hợp điện phân nhôm trong chương trình khí, điện, nhôm vào những năm sau 2010.

** Giai đoạn 2011-2020:*

- Khai thác hết công suất nhà máy cán thép không rỉ.

- Xây dựng liên hợp luyện thép MiniMill và đưa vào hoạt động trong giai đoạn 2016-2020 với quy mô 1,5 triệu tấn phôi thép/năm; Xây dựng nhà máy điện phân nhôm công suất khoảng 0,3-0,5 triệu tấn/năm.

d) Phát triển công nghiệp sản xuất và phân phối điện:

- Trong giai đoạn 2006-2010, triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Trong giai đoạn 2011-2020 xây dựng nhà máy điện tuabin khí ngưng hơi công suất 450 MW nhằm cung cấp điện giá thấp cho chương trình khí, điện, luyện kim quốc gia.

- Xây dựng máy biến áp thứ hai công suất 450 MVA tại trạm 500 KW Phú Mỹ và mạch 1 Phú Mỹ - Biên Hòa dài 40 km.

- Xây dựng trạm biến áp 220 KV Bà Rịa trong giai đoạn 2011-2015, các trạm 220 KV Phú Mỹ và Vũng Tàu trong giai đoạn 2016-2020.

- Xây dựng hệ thống phát điện bằng sức gió với tổng công suất từ 1.800 KVA - 2.000 KVA ở Côn Đảo.

d) Phát triển công nghiệp chế biến nông – lâm – thủy hải sản:

- Củng cố, nâng cao năng lực sản xuất, chế biến của các cơ sở chế biến nông sản hiện có.

- Xây dựng mới các nhà máy chế biến dầu thực vật Vocarimex, nhà máy dầu thực vật công ty Cái Lân; nhà máy chế biến khoai, sản công suất 10.000 tấn/năm; nhà máy chế biến bột mì Uni Presiden công suất 50.000 tấn sản phẩm/năm; nhà máy chế biến thực phẩm cao cấp, giàu dinh dưỡng Cargill công suất 10.000 tấn sản phẩm/năm.

- Đa dạng hóa sản phẩm với chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước.

- Giữ vững sản lượng các sản phẩm hải sản chế biến truyền thống. Xây dựng mới hoặc bổ sung các dây chuyền chế biến đồ hộp và một số loại thực phẩm đặc biệt, tiện dụng nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước gia tăng. Xây dựng thêm một số nhà máy chế biến mới để tiêu thụ hết nguồn nguyên liệu thủy sản tăng thêm.

- Đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ chế biến, hợp chuẩn hóa hết các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm, về môi trường,... Tăng cường mô hình nuôi trồng, khai thác, đánh bắt và chế biến khép kín với quy mô ngày càng lớn, tăng nhanh số lượng cơ sở được cấp chứng chỉ xuất khẩu của các thị trường lớn như Châu Âu, Châu Mỹ.

- Hình thành các khu vực chế biến thủy hải sản tập trung trong các khu công nghiệp và cụm công nghiệp nhằm bảo vệ môi trường, giảm thiểu chi phí xử lý ô nhiễm. Quy hoạch các khu chế biến độc lập như Lộc An, Gò Găng.

e) Phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng:

- Tận dụng lợi thế khí đốt, phát triển sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp xuất khẩu như sứ vệ sinh, sản phẩm trang trí nội ngoại thất bằng gốm, sứ hoặc vật liệu hỗn hợp.

- Nhờ hệ thống cảng biển, sông và vị trí địa lý thuận lợi để phát triển cơ sở nghiền clinker, xây dựng một số cơ sở sản xuất nguyên, vật liệu cho ngành sành sứ thủy tinh.

f) Phát triển ngành cơ khí chế tạo và gia công kim loại:

- Phát triển công nghiệp cơ khí chế tạo và gia công kim loại nhằm phục vụ hậu cần cho công nghiệp khai thác dầu khí, công nghiệp chế biến dầu khí và phân phối sản phẩm của chúng. Phương hướng phát triển là đầu tư có chọn lọc với cách thức sản xuất các sản phẩm từ đơn giản đến trung bình và có chất lượng đảm bảo để có thể thay thế một phần sản phẩm nhập ngoại.

- Đa dạng hóa sản phẩm với số lượng và giá trị đảm bảo hiệu quả kinh tế như các sản phẩm kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn; chi tiết và phụ tùng tiêu

chuẩn hóa; các loại ống thép chế tạo giàn khoan, ống dẫn dầu và khí, các loại ống chống thành lỗ khoan...; đóng mới và sửa chữa tàu dịch vụ dầu khí, tàu cá.

3. Phát triển các khu, cụm công nghiệp:

-Tập trung đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng 8 khu công nghiệp đã được thành lập để phát huy nhanh hiệu quả. Thành lập thêm khu công nghiệp Kim Dinh khoảng 100ha, cạnh Quốc lộ 51, thuộc thị xã Bà Rịa; tại đây sẽ phát triển các ngành công nghiệp sạch, da giày, điện tử, dụng cụ thể thao... hướng tới xuất khẩu. Mở rộng khu công nghiệp Mỹ xuân B1. Khi các khu công nghiệp đạt tỷ lệ lấp đầy trên 60%, sẽ đầu tư phát triển các khu công nghiệp sau: Khu công nghiệp Long Hưng (400ha); Khu công nghiệp Long Sơn (400-600 ha); khu cảng và dịch vụ dầu khí Bến Đình (100 ha).

-Trong giai đoạn 2006 - 2010 và đến năm 2020, định hướng tại mỗi huyện, thị, thành phố đầu tư phát triển một số cụm công nghiệp - TTCN để tạo điều kiện phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, thủy sản và phát triển kinh tế nông thôn, giải quyết việc làm cho lao động tại chỗ.

-Phát triển và phân bố các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên, lao động và đảm bảo các yêu cầu về môi trường. Việc phát triển các khu công nghiệp tập trung, các cụm công nghiệp phải gắn với sự phát triển của hệ thống đô thị, dịch vụ hỗ trợ sản xuất; đảm bảo cân đối việc xây dựng kết cấu hạ tầng bên trong và ngoài hàng rào các KCN; giải quyết đồng bộ các yếu tố liên quan đến đời sống người lao động như: nhà ở, phương tiện đi lại, trường học, cơ sở khám chữa bệnh, dịch vụ đời sống... đồng thời có kế hoạch tạo nguồn nhân lực, dạy nghề cho công nhân.

-Huy động các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước để phát triển hạ tầng trong hàng rào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đồng thời nguồn vốn ngân sách phải cân đối bảo đảm phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào và phải có kế hoạch phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội.

4. Nhu cầu vốn đầu tư phát triển trong thời kỳ quy hoạch:

Trong giai đoạn 2006-2020, dự báo nhu cầu vốn đầu tư phát triển công nghiệp khoảng 225.000 - 230.000 tỷ đồng; trong đó riêng giai đoạn 2006-2010 khoảng 60.000 – 62.000 tỷ đồng.

5. Một số giải pháp chung về thực hiện quy hoạch:

Thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp:

- Giải pháp về ở rộng thị trường: Đáp ứng tốt thị trường nội tỉnh, kể cả thị trường nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra; chú trọng đến thị trường vùng, khu vực và xúc tiến tìm kiếm thị trường xuất khẩu. Giữ vững và mở rộng thêm các thị trường đã có; tìm kiếm các thị trường mới cho các sản phẩm để nâng cao giá trị kim ngạch xuất khẩu; không ngừng cải tiến và nâng cao về mẫu mã, chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu riêng cho các sản phẩm công nghiệp của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong ngành công nghiệp: Bao gồm đào tạo nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công nhân viên hiện đang công tác tại các doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp; đào tạo dạy nghề cho lao động phổ thông để đáp ứng nhu cầu tuyển dụng cho các khu công nghiệp và các cụm công nghiệp. Hỗ trợ đào tạo lao động đối với các doanh nghiệp đầu tư mới, sử dụng lao động tại chỗ nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đổi mới và phân cấp hệ thống quản lý nhà nước về khoa học công nghệ, xây dựng các chiến lược dài hạn về phát triển khoa học công nghệ. Thực hiện đầy đủ các cơ chế tài chính, ưu đãi cho các doanh nghiệp áp dụng khoa học công nghệ, đổi mới sản xuất theo quy định; các ưu đãi về thuế, tín dụng để các doanh nghiệp nhập công nghệ tiên tiến từ nước ngoài; khuyến khích nhập khẩu các dây chuyền thiết bị hiện đại nhằm cho ra các sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.

- Cải cách thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp; thu hút các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước vào phát triển công nghiệp, đặc biệt về cơ sở hạ tầng trong và ngoài các khu, cụm công nghiệp.

- Di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm, các cơ sở không đảm bảo về chỉ tiêu môi trường ra khỏi vùng đô thị và dân cư. Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp tập trung cho các cơ sở công nghiệp để thực hiện tốt công tác quản lý, hạn chế những tác động tiêu cực đến môi trường.

- Phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong tỉnh trong quá trình thực hiện các quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế, xã hội khác trong mối quan hệ tổng thể, để đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững. Tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, phân tích đúng tình hình để có giải pháp kịp thời và chính xác trong điều hành phát triển kinh tế và công nghiệp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Để tổ chức triển khai quy hoạch, UBND tỉnh giao trách nhiệm như sau:

- Sở Công nghiệp có trách nhiệm:

+ Tổ chức công bố nội dung quy hoạch để các tổ chức, các doanh nghiệp và toàn thể nhân dân biết để căn cứ triển khai thực hiện theo quan điểm, mục tiêu của bản điều chỉnh quy hoạch này.

+ Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện quy hoạch trong các kế hoạch hàng năm, 5 năm của ngành công nghiệp. Theo dõi và báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch, kịp thời đề xuất UBND tỉnh các giải pháp về điều hành thực hiện quy hoạch bảo đảm yêu cầu phát triển ngành công nghiệp trong mối quan hệ tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của toàn Tỉnh.

+ Phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và UBND cấp huyện tiếp tục nghiên cứu đề xuất, hoàn thiện chức năng quản lý nhà nước trong ngành công nghiệp và các chính sách, giải pháp phát triển chuyên ngành.

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động thực hiện các công việc liên quan đến quy hoạch ngành công nghiệp thuộc trách nhiệm của đơn vị mình; đồng thời phối hợp với sở Công nghiệp để xử lý các vấn đề liên quan theo đề xuất của sở Công nghiệp.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

+ Trên cơ sở các định hướng, mục tiêu phát triển công nghiệp trong quy hoạch này tiến hành cụ thể hóa và điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng trên địa bàn;

+ Đưa các nội dung triển khai quy hoạch này vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm của địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Bộ Công nghiệp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Sở Tư pháp (theo dõi);
- Đài PTTH tỉnh, Báo BRVT;
- Văn phòng UBND Tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH. *Khu*

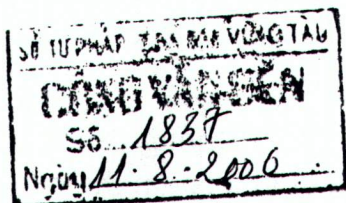
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *Handwritten*



TRẦN NGỌC THỜI

Số: 2295 /2006/QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày 08 tháng 8 năm 2006



QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn đến 2010, xét đến năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 73/2006/QĐ-TTg ngày 04/4/2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển các ngành công nghiệp Việt Nam theo các vùng lãnh thổ đến năm 2010, tầm nhìn đến năm 2020;

Theo đề nghị của Sở Công nghiệp tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tại Tờ trình số 237/TTr.SCN ngày 21 tháng 06 năm 2006 về việc đề nghị phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2010, xét đến năm 2020; và ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 1157.../BC-SKHĐT ngày 28 tháng 7 năm 2006 về việc điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2010, xét đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đến năm 2010, xét đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm, mục tiêu phát triển chủ yếu của ngành công nghiệp đến năm 2010, 2015 và 2020:

a) Quan điểm phát triển:

- Phát triển ngành công nghiệp một cách có chọn lọc, có giá trị tăng cao, gắn với định hướng quy hoạch phát triển công nghiệp của Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và cả nước, có cơ cấu công nghiệp phù hợp với vai trò của một trung tâm công nghiệp phát triển cao, có công nghệ hiện đại

- Định hướng chuyển dịch cơ cấu sang các nhóm ngành công nghiệp sử dụng công nghệ cao, công nghiệp chế tạo, công nghiệp phụ trợ, dịch vụ hỗ trợ đầu

khí, các ngành công nghiệp chế biến dầu khí, các ngành công nghiệp phục vụ kinh tế biển.

- Chú trọng phát triển công nghiệp địa phương, các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh và đầu tư nước ngoài. Tăng cường và đẩy mạnh việc đầu tư chiều sâu, ứng dụng khoa học công nghệ mới, đổi mới sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Phân bố công nghiệp hợp lý theo vùng lãnh thổ, gắn với hệ thống cảng, với các khu công nghiệp tập trung; phát triển công nghiệp nông thôn, công nghiệp phục vụ du lịch.

- Phát triển công nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái và gắn liền với an ninh quốc phòng.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2006-2010 tăng 12,47%/năm (trừ dầu khí tăng 20,7%/năm); giai đoạn 2011-2020 tăng 9,6%/năm.

- Cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp theo giá trị sản xuất công nghiệp chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng công nghiệp khai thác, nâng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp sản xuất và chế biến như: hóa chất, luyện kim, điện nước...

+ Công nghiệp khai thác đến năm 2010 chiếm 35,8%; 2015 chiếm 20%-23% và đến năm 2020 là 12%-17%;

+ Công nghiệp hóa chất đến năm 2010 đạt 15,8%; đến 2015 đạt 29,3% và đến năm 2020 đạt 35,2%;

+ Công nghiệp luyện kim năm 2010 đạt 8,7%; năm 2015 đạt 20,5% và đến năm 2020 đạt 23,7%;

+ Công nghiệp sản xuất điện và nước năm 2010 chiếm 28,7%; sau đó sẽ giảm xuống 21,2% vào năm 2015 và 17,09% vào năm 2020.

2. Định hướng phát triển công nghiệp trên cơ sở phát huy tiềm năng, thế mạnh của tỉnh:

a) Phát triển công nghiệp khai thác dầu, khí:

- Đẩy mạnh đầu tư tìm kiếm, thăm dò gia tăng tiềm năng và trữ lượng dầu khí, ưu tiên các khu vực đã phát hiện dầu khí nhưng chưa khẳng định giá trị thương mại, tiếp đến là các diện tích có triển vọng, sau cùng là các vùng chưa tìm kiếm trong các bể Cửu Long và Nam Côn Sơn.

- Thăm dò bổ sung và khai thác triệt để các mỏ đang khai thác, đẩy mạnh đầu tư phát triển và đưa vào khai thác một số mỏ mới nhằm đảm bảo mức sản lượng dầu thô và khí như sau:

+ Giai đoạn 2006-2010: 18-20 triệu tấn dầu, 6-10 tỷ m³ khí;

+ Giai đoạn 2011-2015: 17-19 triệu tấn dầu, 10-15 tỷ m³ khí;

+ Giai đoạn 2015-2020: 16-17 triệu tấn dầu, 15-15,5 tỷ m³ khí.

- Đẩy nhanh và khai thác tối đa công suất các công trình thu gom, vận chuyển và phân phối khí hiện có.

- Phát triển mạnh chế biến dầu, khí theo hướng chế biến sâu.

- Tiếp tục thúc đẩy phát triển các dịch vụ dầu khí đảm bảo đáp ứng nhu cầu trong nước và có khả năng cung cấp dịch vụ cho thị trường ngoài nước.

b) Phát triển công nghiệp hóa chất:

- Trong giai đoạn 2005-2010, thu hút đầu tư các dự án lớn như sản xuất đạm, sản xuất khí công nghiệp, sản xuất fomaldehit, nhựa đường, etylen và PE,...

- Chuẩn bị các điều kiện đề nghị Chính phủ đầu tư nhà máy lọc dầu Long Sơn trong giai đoạn 2011-2015, .

- Trong giai đoạn 2016-2020, tiếp tục xây dựng trung tâm hóa dầu để sản xuất nguyên liệu làm chất dẻo, sợi tổng hợp polyester, nguyên liệu sản xuất chất tẩy rửa,...

c) Phát triển công nghiệp luyện kim:

** Giai đoạn 2006-2010:*

- Hoàn thành và đưa vào sản xuất các nhà máy thép cuộn, thép lá cán nguội và nhà máy luyện, cán thép xây dựng.

- Xây dựng nhà máy luyện thép lò điện công nghệ Consteel với công suất 350.000 tấn thép xây dựng/năm; nhà máy thép không rỉ công suất 720 tấn/năm; nhà máy cán nhôm hình (thanh) xuất khẩu công suất 50.000 tấn nhôm thanh/năm.

- Chuẩn bị những điều kiện cần thiết để xây dựng tổ hợp điện phân nhôm trong chương trình khí, điện, nhôm vào những năm sau 2010.

** Giai đoạn 2011-2020:*

- Khai thác hết công suất nhà máy cán thép không rỉ.

- Xây dựng liên hợp luyện thép MiniMill và đưa vào hoạt động trong giai đoạn 2016-2020 với quy mô 1,5 triệu tấn phôi thép/năm; Xây dựng nhà máy điện phân nhôm công suất khoảng 0,3-0,5 triệu tấn/năm.

d) Phát triển công nghiệp sản xuất và phân phối điện:

- Trong giai đoạn 2006-2010, triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Trong giai đoạn 2011-2020 xây dựng nhà máy điện tuabin khí ngưng hơi công suất 450 MW nhằm cung cấp điện giá thấp cho chương trình khí, điện, luyện kim quốc gia.

- Xây dựng máy biến áp thứ hai công suất 450 MVA tại trạm 500 KW Phú Mỹ và mạch 1 Phú Mỹ - Biên Hòa dài 40 km.

- Xây dựng trạm biến áp 220 KV Bà Rịa trong giai đoạn 2011-2015, các trạm 220 KV Phú Mỹ và Vũng Tàu trong giai đoạn 2016-2020.

- Xây dựng hệ thống phát điện bằng sức gió với tổng công suất từ 1.000 KVA - 2.000 KVA ở Côn Đảo.

đ) Phát triển công nghiệp chế biến nông – lâm – thủy hải sản:

- Củng cố, nâng cao năng lực sản xuất, chế biến của các cơ sở chế biến nông sản hiện có.

- Xây dựng mới các nhà máy chế biến dầu thực vật Vocarimex, nhà máy dầu thực vật công ty Cái Lân; nhà máy chế biến khoai, sản công suất 10.000 tấn/năm; nhà máy chế biến bột mỳ Uni Presiden công suất 50.000 tấn sản phẩm/năm; nhà máy chế biến thực phẩm cao cấp, giàu dinh dưỡng Cargill công suất 10.000 tấn sản phẩm/năm.

- Đa dạng hóa sản phẩm với chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước.

- Giữ vững sản lượng các sản phẩm hải sản chế biến truyền thống. Xây dựng mới hoặc bổ sung các dây chuyền chế biến đồ hộp và một số loại thực phẩm đặc biệt, tiện dụng nhằm đáp ứng nhu cầu trong nước gia tăng. Xây dựng thêm một số nhà máy chế biến mới để tiêu thụ hết nguồn nguyên liệu thủy sản tăng thêm.

- Đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ chế biến, hợp chuẩn hóa hết các tiêu chuẩn về an toàn vệ sinh thực phẩm, về môi trường,... Tăng cường mô hình nuôi trồng, khai thác, đánh bắt và chế biến khép kín với quy mô ngày càng lớn, tăng nhanh số lượng cơ sở được cấp chứng chỉ xuất khẩu của các thị trường lớn như Châu Âu, Châu Mỹ.

- Hình thành các khu vực chế biến thủy hải sản tập trung trong các khu công nghiệp và cụm công nghiệp nhằm bảo vệ môi trường, giảm thiểu chi phí xử lý ô nhiễm. Quy hoạch các khu chế biến độc lập như Lộc An, Gò Găng.

e) Phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng:

- Tận dụng lợi thế khí đốt, phát triển sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp xuất khẩu như sứ vệ sinh, sản phẩm trang trí nội ngoại thất bằng gốm, sứ hoặc vật liệu hỗn hợp.

- Nhờ hệ thống cảng biển, sông và vị trí địa lý thuận lợi để phát triển cơ sở nghiền clinker, xây dựng một số cơ sở sản xuất nguyên, vật liệu cho ngành sành sứ thủy tinh.

f) Phát triển ngành cơ khí chế tạo và gia công kim loại:

- Phát triển công nghiệp cơ khí chế tạo và gia công kim loại nhằm phục vụ hậu cần cho công nghiệp khai thác dầu khí, công nghiệp chế biến dầu khí và phân phối sản phẩm của chúng. Phương hướng phát triển là đầu tư có chọn lọc với cách thức sản xuất các sản phẩm từ đơn giản đến trung bình và có chất lượng đảm bảo để có thể thay thế một phần sản phẩm nhập ngoại.

- Đa dạng hóa sản phẩm với số lượng và giá trị đảm bảo hiệu quả kinh tế như các sản phẩm kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn; chi tiết và phụ tùng tiêu

chuẩn hóa; các loại ống thép chế tạo giàn khoan, ống dẫn dầu và khí, các loại ống chống thành lỗ khoan...; đóng mới và sửa chữa tàu dịch vụ dầu khí, tàu cá.

3. Phát triển các khu, cụm công nghiệp:

-Tập trung đầu tư hoàn chỉnh hạ tầng 8 khu công nghiệp đã được thành lập để phát huy nhanh hiệu quả. Thành lập thêm khu công nghiệp Kim Dinh khoảng 100ha, cạnh Quốc lộ 51, thuộc thị xã Bà Rịa; tại đây sẽ phát triển các ngành công nghiệp sạch, da giày, điện tử, dụng cụ thể thao... hướng tới xuất khẩu. Mở rộng khu công nghiệp Mỹ xuân B1. Khi các khu công nghiệp đạt tỷ lệ lấp đầy trên 60%, sẽ đầu tư phát triển các khu công nghiệp sau: Khu công nghiệp Long Hương (400ha); Khu công nghiệp Long Sơn (400-600 ha); khu cảng và dịch vụ dầu khí Bến Đình (100 ha).

-Trong giai đoạn 2006 - 2010 và đến năm 2020, định hướng tại mỗi huyện, thị, thành phố đầu tư phát triển một số cụm công nghiệp - TTCN để tạo điều kiện phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa, phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, thủy sản và phát triển kinh tế nông thôn, giải quyết việc làm cho lao động tại chỗ.

-Phát triển và phân bố các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên, lao động và đảm bảo các yêu cầu về môi trường. Việc phát triển các khu công nghiệp tập trung, các cụm công nghiệp phải gắn với sự phát triển của hệ thống đô thị, dịch vụ hỗ trợ sản xuất; đảm bảo cân đối việc xây dựng kết cấu hạ tầng bên trong và ngoài hàng rào các KCN; giải quyết đồng bộ các yếu tố liên quan đến đời sống người lao động như: nhà ở, phương tiện đi lại, trường học, cơ sở khám chữa bệnh, dịch vụ đời sống... đồng thời có kế hoạch tạo nguồn nhân lực, dạy nghề cho công nhân.

-Huy động các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước để phát triển hạ tầng trong hàng rào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; đồng thời nguồn vốn ngân sách phải cân đối bảo đảm phát triển đồng bộ hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào và phải có kế hoạch phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng xã hội.

4. Nhu cầu vốn đầu tư phát triển trong thời kỳ quy hoạch:

Trong giai đoạn 2006-2020, dự báo nhu cầu vốn đầu tư phát triển công nghiệp khoảng 225.000 - 230.000 tỷ đồng; trong đó riêng giai đoạn 2006-2010 khoảng 60.000 - 62.000 tỷ đồng.

5. Một số giải pháp chung về thực hiện quy hoạch:

Thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp:

- Giải pháp về ở rộng thị trường: Đáp ứng tốt thị trường nội tỉnh, kể cả thị trường nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra; chú trọng đến thị trường vùng, khu vực và xúc tiến tìm kiếm thị trường xuất khẩu. Giữ vững và mở rộng thêm các thị trường đã có; tìm kiếm các thị trường mới cho các sản phẩm để nâng cao giá trị kim ngạch xuất khẩu; không ngừng cải tiến và nâng cao về mẫu mã, chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu riêng cho các sản phẩm công nghiệp của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong ngành công nghiệp: Bao gồm đào tạo nâng cao tay nghề, trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công nhân viên hiện đang công tác tại các doanh nghiệp, cơ sở công nghiệp; đào tạo dạy nghề cho lao động phổ thông để đáp ứng nhu cầu tuyển dụng cho các khu công nghiệp và các cụm công nghiệp. Hỗ trợ đào tạo lao động đối với các doanh nghiệp đầu tư mới, sử dụng lao động tại chỗ nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đổi mới và phân cấp hệ thống quản lý nhà nước về khoa học công nghệ, xây dựng các chiến lược dài hạn về phát triển khoa học công nghệ. Thực hiện đầy đủ các cơ chế tài chính, ưu đãi cho các doanh nghiệp áp dụng khoa học công nghệ, đổi mới sản xuất theo quy định; các ưu đãi về thuế, tín dụng để các doanh nghiệp nhập công nghệ tiên tiến từ nước ngoài; khuyến khích nhập khẩu các dây chuyền thiết bị hiện đại nhằm cho ra các sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu.

- Cải cách thủ tục hành chính nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp; thu hút các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước vào phát triển công nghiệp, đặc biệt về cơ sở hạ tầng trong và ngoài các khu, cụm công nghiệp.

- Di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm, các cơ sở không đảm bảo về chỉ tiêu môi trường ra khỏi vùng đô thị và dân cư. Quy hoạch các khu, cụm công nghiệp tập trung cho các cơ sở công nghiệp để thực hiện tốt công tác quản lý, hạn chế những tác động tiêu cực đến môi trường.

- Phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trong tỉnh trong quá trình thực hiện các quy hoạch phát triển ngành công nghiệp và quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế, xã hội khác trong mối quan hệ tổng thể, để đảm bảo yêu cầu phát triển bền vững. Tổ chức theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, phân tích đúng tình hình để có giải pháp kịp thời và chính xác trong điều hành phát triển kinh tế và công nghiệp.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Để tổ chức triển khai quy hoạch, UBND tỉnh giao trách nhiệm như sau:

- Sở Công nghiệp có trách nhiệm:

+ Tổ chức công bố nội dung quy hoạch để các tổ chức, các doanh nghiệp và toàn thể nhân dân biết để căn cứ triển khai thực hiện theo quan điểm, mục tiêu của bản điều chỉnh quy hoạch này.

+ Cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện quy hoạch trong các kế hoạch hàng năm, 5 năm của ngành công nghiệp. Theo dõi và báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch, kịp thời đề xuất UBND tỉnh các giải pháp về điều hành thực hiện quy hoạch bảo đảm yêu cầu phát triển ngành công nghiệp trong mối quan hệ tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của toàn Tỉnh.

+ Phối hợp với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và UBND cấp huyện tiếp tục nghiên cứu đề xuất, hoàn thiện chức năng quản lý nhà nước trong ngành công nghiệp và các chính sách, giải pháp phát triển chuyên ngành.

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động thực hiện các công việc liên quan đến quy hoạch ngành công nghiệp thuộc trách nhiệm của đơn vị mình; đồng thời phối hợp với sở Công nghiệp để xử lý các vấn đề liên quan theo đề xuất của sở Công nghiệp.

- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm:

+ Trên cơ sở các định hướng, mục tiêu phát triển công nghiệp trong quy hoạch này tiến hành cụ thể hóa và điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng trên địa bàn;

+ Đưa các nội dung triển khai quy hoạch này vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm, 5 năm của địa phương.

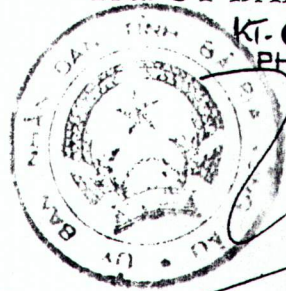
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra văn bản);
- Bộ Công nghiệp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Sở Tư pháp (theo dõi);
- Đài PTTH tỉnh, Báo BRVT;
- Văn phòng UBND Tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH. *K*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *Handwritten*



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Handwritten signature
TRẦN NGỌC THỜI